

Số: /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và các Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV; từ ngày 01/7/2025, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) sáp nhập với tỉnh Kon Tum (cũ) thành lập tỉnh Quảng Ngãi (mới).

Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong xây dựng, tổ chức hoạt động và thực hiện chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh phù hợp, đồng bộ và trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế tại Tờ trình số 1988/TTr-SYT ngày 12/12/2025; ý kiến của các Sở: Tư pháp tại Công văn số 1358/STP-XD&TDTHPL ngày 08/12/2025, Tài chính tại Công văn số 4705/STC-HCSN ngày 05/12/2025 và thống nhất của Thành viên UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (thay thế Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND) và bãi bỏ điểm d khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) về quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025 (viết tắt là Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND) theo trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Trong thời gian qua, cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh đã hoạt động hiệu quả, phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt tại cơ sở, là cánh tay nối dài của ngành dân số ở thôn, làng, tổ dân phố; trực tiếp tiếp cận từng hộ gia đình, truyền thông, vận động thay đổi hành vi; thu thập thông tin, cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư và dân số; hỗ trợ triển khai các mô hình, đề án dân số; kết nối dịch vụ dân số - y tế, góp phần thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh hiện nay: 1.710 thôn, tổ, dân phố/2.729 cộng tác viên dân số; trong đó, cộng tác viên dân số phía Đông tỉnh Quảng Ngãi (Quảng Ngãi cũ) đã bố trí đủ số cộng tác viên dân số (02 CTV/thôn), có 954 thôn, tổ dân phố/1908 cộng tác viên; cộng tác viên dân số phía Tây tỉnh Quảng Ngãi (Kon Tum cũ) có 756 thôn, tổ dân phố/821 cộng tác viên dân số (*dự kiến còn thiếu 691 cộng tác viên dân số (02 CTV/thôn)*).

- Sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, đối tượng thụ hưởng vẫn là cộng tác viên dân số hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới). Tuy nhiên, chưa có sự đồng nhất về mức chi bồi dưỡng. Đồng thời, tồn tại song song 02 Nghị quyết cùng quy định một nội dung, sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý, triển khai tại các địa phương.

- Tại địa bàn phía Tây Quảng Ngãi (Kon Tum cũ) triển khai thực hiện định mức chi bồi dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 – 2020, định hướng đến năm 2025, với định mức chi hỗ trợ cho cộng tác viên DS-KHHGD bằng 0,025 so với mức lương tối thiểu chung/người/tháng (*là 58.500 đồng/người/tháng tính với mức lương cơ sở 2.340.000 đồng hiện nay*), chênh lệch so với mức chi quy định tại Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) (*là 450.000 đồng/người/tháng đối với khu vực miền núi và huyện Lý Sơn; 400.000 đồng/người/tháng đối với các khu vực còn lại*).

- Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số: *“Cộng tác viên dân số được bố trí phụ trách công việc theo địa bàn thôn tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương nhưng bảo đảm mỗi thôn có tối thiểu 01 cộng tác viên dân số. Mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định”*.

Vì vậy, ban hành Nghị quyết mới để thống nhất chung việc áp dụng đối tượng, cũng như định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với đội ngũ cộng tác viên dân số trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi (mới) theo trình tự, thủ tục rút gọn là rất cần thiết, phù hợp với quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật tại địa phương. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.
- Tạo sự thống nhất, minh bạch trong quản lý và chi trả kinh phí bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số, bảo đảm đúng quy định, tránh tình trạng chồng chéo, không đồng đều giữa các địa phương trong tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết phải tuân thủ theo các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, không trái với những quy định của pháp luật, đảm bảo tính khả thi.
- Việc xây dựng các nội dung quy định của Nghị quyết phù hợp với quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo, điều kiện kinh tế - xã hội, cũng như khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; đồng thời, nhằm khuyến khích cộng tác viên dân số thực hiện tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực cho sự nghiệp dân số và phát triển bền vững của tỉnh.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Đối tượng áp dụng:

- Cộng tác viên dân số tại thôn, làng, tổ dân phố, khu phố (sau đây gọi tắt là thôn), thuộc xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- UBND các xã, phường, đặc khu; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc chi trả bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm có 05 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số.

Điều 3. Kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3.1. Đối với cộng tác viên dân số tại khu vực miền núi và đặc khu Lý Sơn: 450.000 đồng/người/tháng. Khu vực miền núi được xác định theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Đối với cộng tác viên dân số tại khu vực còn lại: 400.000 đồng/người/tháng.

Thay thế Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và bãi bỏ điểm d khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 36/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) về quy hoạch phát triển sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025 (*Có dự thảo Nghị quyết kèm theo*).

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực:

- Bình quân hàng năm, ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) chi khoảng 10.040.762.000 đồng để thực hiện chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*trong đó, tỉnh Quảng Ngãi (cũ): 9.533.900.000 đồng; tỉnh Kon Tum (cũ): 506.862.000 đồng*).

- Tại điểm a khoản 2, Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số, quy định: “*Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định số lượng, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số theo quy định*” (theo báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 4705/STC-HCSN ngày 05/12/2025, tổng kinh phí thực hiện chính sách bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số năm 2026 là 12. 879 triệu đồng (tăng 2.888 triệu đồng so với năm 2025).

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

V. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

- Tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: “b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn”.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy Nhà nước: “2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT:
 Tại Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa-Xã hội,
Ban Kinh tế-Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các Sở: Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{LMC569}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm